

Số: 1497/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 23 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Trường THCS
Quyết Tiến, thành phố Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu

hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Trường THCS Quyết Tiến (bổ sung loại đất);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1000/TTr-TNMT ngày /9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Trường THCS Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **1.822.133.576 đồng**.
(*Bằng chữ: Một tỷ tám trăm hai mươi hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng*).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	1.822.133.576 đồng
+ Bồi thường về đất:	360.083.800 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	3.407.500 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	298.248.276 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	1.160.394.000 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lương Chiến Công

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

Dự án: Trường THCS Quyết Tiến, thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số ~~1997~~ /QĐ-UBND ngày ~~23~~ /9/2019 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
A	TỔNG CỘNG				1.822.133.576
I	Chi trả cho chủ sở hữu				1.822.133.576
1	Đất	m ²	10.590,7		360.083.800
2	Tài sản				3.407.500
3	Hoa màu				298.248.276
4	Chính sách hỗ trợ				1.160.394.000
B	CHI TIẾT CHO CÁC HỘ DÂN				1.822.133.576
1	Họ và tên: Đỗ Đức Huân (Phạm Thị Tín)				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6 - phường Quyết Tiến				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)				25.312.300
a	Về đất				7.605.800
1	Diện tích thu hồi	m ²	223,7		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	223,7	34.000	7.605.800
3	Nguồn gốc: Được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ450147 cấp ngày 19/12/2014. Hiện tại không tranh chấp với ai. (Nguồn gốc đất trước khi được cấp giấy CNQSD được xí nghiệp chè Tam Đường giao khoán)				
b	Về tài sản vật kiến trúc				2.170.000
1	Lưới B40 (64*1.2)	m ²	76,8	25.000	1.920.000
2	Bạt dứa (10*5)	m ²	50	5.000	250.000
c	Về cây cối hoa màu				6.176.500
1	Cây đào trồng hạt năm thứ ba	cây	2	132.000	264.000
2	Sản lượng chè (215m ² * 25tấn/ha/năm * 2năm)	kg	1075	5.500	5.912.500
d	Về chính sách hỗ trợ				9.360.000
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Thu hồi trên 70% đất nông nghiệp, không phải di chuyển chỗ ở, bằng 2 khẩu * 30kg gạo/tháng * 13.000 đồng * 12 tháng). Theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu				
2	Họ và tên: Đỗ Thị Ngâm				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6 - phường Quyết Tiến				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)				213.636.200
a	Về đất				32.323.800
1	Diện tích thu hồi	m ²	950,7		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	950,7	34.000	32.323.800

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
3	<p>Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng của ông Trần Đình Bấy năm 2005 (không có giấy tờ). Đất của ông Bấy được xí nghiệp chè Tam Đường giao khoán năm 1996. Phần diện tích chồng lấn lên một phần các thửa đất số 128, tờ bản đồ số 3 đã cấp GCN số BX 792708 ngày 08/9/2007 cho ông Lý Văn Dân và thửa 159, tờ bản đồ số 3 đã cấp GCN số BQ 450416 ngày 04/6/2015 cho bà Lê Thị Ánh; thửa 242 tờ bản đồ số 3 DGT quy chủ UBND phường quản lý hiện tại do gia đình bà Ngâm đang sử dụng ổn định không tranh chấp với ai và có cùng nguồn gốc như trên.</p>				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Xây dựng trên đất nông nghiệp không được bồi thường)				
1	Nhà xây gạch ép tường 12cm, không hiên BTCT, lợp tôn, trần tấm nhựa, nền láng vữa xi măng, cao 3,35m (6.1*4.1)	m ²	25,01		-
2	Nhà bán mái tường ghép gỗ, lợp pro xi măng, cao 2.9m (3.3*6.1)	m ²	20,13		-
3	Sân bê tông đá dăm dày 10cm (12.1*3)	m ²	36,3		-
4	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	5		-
5	Nhà xây gạch ép tường 12cm, không hiên BTCT, lợp tôn, không trần, nền láng vữa xi măng, cao 3,0m (3.2*2.7)	m ²	8,64		-
6	Sân bê tông đá dăm dày 10cm (3*1.3)	m ²	3,9		-
7	Nhà bán mái xây gạch ép tường 12cm, lợp pro xi măng, nền láng vữa xi măng, cao 2,5m (2.8*2.35)	m ²	6,58		-
8	Bóc tách nhà vệ sinh xây gạch				-
	Tường xây gạch ép T 12cm (6*2.7)	m ²	16,2		-
	Trát vữa xi măng không đánh màu (6*2.7)*2	m ²	32,4		-
	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (1.5*2.6)	m ²	3,9		-
	Mái lợp pro xi măng cả khung xà (3*1.8)	m ²	5,4		-
	Bê phốt xây gạch tường 12cm, nắp bê tông cốt thép	m ³	5		-
9	Bể nước xây gạch ép tường 12cm, không có nắp (1.7*2.2*1.3)	m ³	4,862		-
10	Tôn dầy nắp bể (1.7*2.2)*2	m ²	7,48		-
11	Tường xây gạch ép T 12cm (21*1.6)	m ²	33,6		-
12	Tường rào xây gạch ép T12cm, bổ trụ, hoa sắt cổ tường xây gạch (7*1.6)	m ²	11,2		-
13	Trụ cổng xây gạch ép (Tính bằng xây gạch bi, gạch ép KT 0,1*0,15*0,3 VXM (0.4*0.4*1.8)*2	m ³	0,576		-
14	Cổng hoa sắt (2.6*1.9)	m ²	4,94		-
15	Thép V 0.5*0.5 dày 3 ly	m	10		-
16	Dây thép gai	m	55		-
17	Mái lợp tôn màu, kể cả khung xà (3*2.2)	m ²	6,6		-
18	Máng tôn hứng nước	m	5		-
19	Tam cấp xây gạch ép (Tính bằng xây gạch bi, gạch ép KT 0,1*0,15*0,3 VXM (1.4*0.3*0.1)*2	m ³	0,084		-
c	Về cây cối hoa màu				28.181.000
1	Cây bơ bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	360.000	360.000
2	Cây bơ bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	1	540.000	540.000
3	Cây Si D=10-25cm	cây	1	24.000	24.000
4	Cây xoan trồng từ 2 năm - 5 năm	cây	2	24.000	48.000
5	Cây nhãn trồng hạt năm thứ hai	cây	1	66.000	66.000

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
6	Cây ổi trồng hạt năm thứ ba	cây	1	132.000	132.000
7	Cây đu đủ đã cho thu hoạch	cây	3	144.000	432.000
8	Cây bơ trồng hạt năm thứ hai	cây	7	66.000	462.000
9	Cây gỗ lát D=5-10cm	cây	1	204.000	204.000
10	Cây đào trồng hạt năm thứ hai	cây	1	66.000	66.000
11	Cây gỗ lát trồng từ 2 năm - 5 năm	cây	13	60.000	780.000
12	Cây bưởi bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	360.000	360.000
13	Cây xoài trồng hạt năm thứ hai	cây	2	66.000	132.000
14	Cây mít trồng hạt năm thứ hai	cây	6	66.000	396.000
15	Cây mắc cọc bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	360.000	360.000
16	Cây chuối chưa có buồng cao dưới 1,2m	cây	2	18.000	36.000
17	Chậu cây cảnh	Chậu	3	24.000	72.000
18	Cây chanh trồng hạt năm thứ tư	cây	1	192.000	192.000
19	Hoa cây cảnh đã cho thu hoạch	m ²	3	48.000	144.000
20	Sản lượng chè 850m ² *25 tấn/ha/năm*2 năm	kg	4250	5.500	23.375.000
d	Về chính sách hỗ trợ				153.131.400
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	950,7	102.000	96.971.400
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Thu hồi trên 70% đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở, bằng 6 khẩu * 30kg gạo/tháng * 24 tháng). Theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg	4320	13.000	56.160.000
3	Họ và tên: Nguyễn Quý Đầu				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 8 - phường Quyết Tiến				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)				35.798.276
a	Về đất				6.789.800
1	Diện tích thu hồi	m ²	199,7		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	199,7	34.000	6.789.800
3	Nguồn gốc: Được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ450157 cấp ngày 25/12/2014. Phần diện tích 28,9m ² thuộc thửa 242 tờ bản đồ số 3 (DGT) quy chủ cho UBND phường Quyết Tiến quản lý hiện trạng do gia đình ông Đầu sử dụng ổn định không tranh chấp với ai có cùng nguồn gốc với diện tích được cấp GCN trên				
b	Về tài sản vật kiến trúc				1.237.500
1	Hào đào thủ công (20*1.5*0.5)	m ³	15	82.500	1.237.500
c	Về cây cối hoa màu				7.401.576

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hàng rào cây sống	m	29,5	7.200	212.400
2	Cây xoan D=50cm, H= 6m, 1 cây	m ³	1,1775	480.000	565.200
3	Cây xoan D=30cm, H= 6m, 2 cây	m ³	0,8478	480.000	406.944
4	Cây xoan D=40cm, H= 7m, 2 cây	m ³	1,7584	480.000	844.032
5	Cây xoan D=10-25cm	cây	3	42.000	126.000
6	Cây lấy gỗ D= 5-10cm	cây	1	30.000	30.000
7	Cây nhãn bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	420.000	420.000
8	Cây thuốc nam đã cho thu hoạch	m ²	10	54.000	540.000
9	Cây nhãn trồng hạt năm thứ ba	cây	1	132.000	132.000
10	Sản lượng chè 150m ² , 25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	750	5.500	4.125.000
d	Về chính sách hỗ trợ				20.369.400
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	199,7	102.000	20.369.400
4	Họ và tên: Lý Văn Dân				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 12 - phường Quyết Tiến				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c)				185.394.900
a	Về đất				38.535.600
1	Diện tích thu hồi	m ²	1133,4		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	1133,4	34.000	38.535.600
3	Nguồn gốc: Được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 792708 cấp ngày 09/8/2017. Phần diện tích chồng lấn lên một phần các thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3 đã cấp GCN số BQ 450146 ngày 04/6/2015 cho bà Lê Thị Ánh, một phần thửa đất số 127, tờ bản đồ số 3 quy chủ cho bà Đỗ Thị Ngâm, phần diện tích thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 3 (DGT) quy chủ UBND phường Quyết Tiến Quản lý đều do gia đình ông Dân sử dụng ổn định không tranh chấp với ai và có cùng nguồn gốc với diện tích được cấp giấy chứng nhận trên				
b	Về cây cối hoa màu				31.252.500
1	Cây xoan lấy gỗ D= 10-25cm	cây	2	42.000	84.000
2	Sản lượng chè (1133.4m ² * 25tấn/ha/năm * 2năm)	kg	5667,0	5.500	31.168.500
c	Về chính sách hỗ trợ				115.606.800
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	1133,4	102.000	115.606.800

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
5	Họ và tên: Nguyễn Trung Thành				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 8 - phường Quyết Tiến				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c)				937.120.500
a	Về đất				193.902.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	5.703,0		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	5703,0	34.000	193.902.000
3	Nguồn gốc: Được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ450149 cấp ngày 25/12/2014. Phần diện tích chồng lấn: Một phần các thửa đất số 110, tờ bản đồ số 3 đã cấp GCN số BQ 450151 ngày 19/12/2014 cho bà Hoàng Thị Luyến, thửa số 157 tờ bản đồ số 3 quy chủ cho ông Bằng; Thửa số 156, tờ bản đồ số 3 quy chủ cho bà Phạm Thị Bé và thửa 242, tờ bản đồ số 3 (DGT) quy chủ cho UBND phường quản lý, hiện trạng do gia đình ông Thành sử dụng ổn định có cùng nguồn gốc với diện tích được cấp GCN trên.				
b	Về cây cối hoa màu				156.832.500
1	Sản lượng chè (5.703m ² * 25tấn/ha/năm * 2năm)	kg	28.515,0	5.500	156.832.500
c	Về chính sách hỗ trợ				586.386.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	5703,0	102.000	581.706.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Thu hồi trên 70% đất nông nghiệp, không phải di chuyển chỗ ở, bằng 1 khẩu * 30kg gạo/tháng * 13.000 đồng * 12 tháng). Theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg	360	13.000	4.680.000
6	Họ và tên: Đỗ Ngọc Phụ (Đỗ Thị Lan)				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6 - phường Quyết Tiến				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c)				122.894.400
a	Về đất				23.609.600
1	Diện tích thu hồi	m ²	694,4		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	694,4	34.000	23.609.600
3	Nguồn gốc: Được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ450144 cấp ngày 19/12/2014. Phần diện tích 5,2m ² thuộc thửa 242 tờ bản đồ số 3 (DGT) quy chủ UBND phường quản lý, hiện trạng do gia đình bà Lan và ông Phụ sử dụng có cùng nguồn gốc diện tích được cấp GCN nêu trên				
b	Về cây cối hoa màu				19.096.000
1	Sản lượng chè (694.4m ² * 25tấn/ha/năm * 2năm)	kg	3472	5.500	19.096.000

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
c	Về chính sách hỗ trợ				80.188.800
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	694,4	102.000	70.828.800
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (bị thu hồi 30-70% diện tích đất nông nghiệp, không phải di chuyển chỗ ở 4 khẩu * 30kg gạo/tháng * 6 tháng)	kg	720	13.000	9.360.000
7	Họ và tên: Nguyễn Văn Trinh				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 7 - phường Quyết Tiến				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c)				266.703.800
a	Về đất				52.414.400
1	Diện tích thu hồi	m ²	1541,6		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	1541,6	34.000	52.414.400
3	Nguồn gốc: Được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 450151 ngày 19/12/2014 mang tên bà Hoàng Thị Luyến (đã chết) vợ của ông Nguyễn Văn Trinh. Phần diện tích chồng lấn lên thửa 148, tờ bản đồ số 3 đã cấp GCN số BQ 450147 ngày 19/12/2014 cho ông Đỗ Đức Huân và phần diện tích thuộc thửa 242, tờ bản đồ số 3 quy chủ cho UBND phường quản lý hiện trạng do gia đình ông Trinh sử dụng ổn định không có tranh chấp có cùng nguồn gốc với diện tích được cấp GCN trên				
b	Về cây cối hoa màu				43.006.200
1	Cây bơ trồng hạt năm thứ nhất	cây	3	42.000	126.000
2	Cây quất trồng hạt năm thứ nhất	cây	1	42.000	42.000
3	Cây bưởi trồng hạt năm thứ ba	cây	1	132.000	132.000
4	Cây bơ bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	4	360.000	1.440.000
5	Giàn xu xu	m ²	3	5.400	16.200
6	Sản lượng chè (1500m ² , 25 tấn/ha/năm * 2 năm)	kg	7500	5.500	41.250.000
c	Về chính sách hỗ trợ				171.283.200
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	1541,6	102.000	157.243.200

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (Thu hồi trên 30% dưới 70% đất nông nghiệp, không phải di chuyển chỗ ở, bằng 6 khẩu * 30kg gạo/tháng * 13.000 đồng * 6 tháng). Theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	kg	1080	13.000	14.040.000
8	Họ và tên: Phạm Thị Bé, Phạm Bá Duyên				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 6 - phường Quyết Tiến				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)				35.273.200
a	Về đất				4.902.800
1	Diện tích thu hồi	m ²	144,2		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm (vị trí 1)	m ²	144,2	34.000	4.902.800
3	Nguồn gốc: Được xí nghiệp chè Tam Đường giao khoán cho ông Phạm Bá Duyên (vợ là Phạm Thị Bé) ngày 26/3/1996. Hiện tại sử dụng ổn định không tranh chấp				
b	Về tài sản vật kiến trúc (Xây dựng trên đất nông nghiệp không được bồi thường)				
1	Nhà xây gạch ép tường 12cm, không hiện BTCT, không trần, mái lợp pro xi măng, nền lát vỉa xi măng, cao 2,9m (9.7*4.1)	m ²	39,77		
2	Mái lợp pro xi măng cả khung xà (1.1*7)	m ²	7,7		
3	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (1.1*7)	m ²	7,7		
4	Bể nước xây gạch ép tường 12cm, không có nắp (1.25*1.9*1.8)	m ³	4,275		-
5	Sân bê tông đá dăm dày 10cm (7*2.8)	m ²	19,6		-
6	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	10		-
7	Bóc tách nhà vệ sinh xây gạch				-
	Tường xây gạch ép tường 12cm (9.4*2.2)	m ²	20,68		-
	Mái lợp pro xi măng cả khung xà (1.9*2.8)	m ²	5,32		-
	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (2.8*2.5)	m ²	7		-
	Xí xôm	cái	1		-
8	Tường xây gạch ép tường 12cm (4.2*1.3)	m ²	5,46		-
9	Trụ công xây gạch ép (Tính bằng xây gạch bi, gạch ép KT 0,1*0,15*0,3 VXM (0,3*0,3*1,5)*2	m ³	0,27		-
10	Tường xây gạch ép tường 12cm (19*1.3)	m ²	24,7		-
c	Về cây cối hoa màu				6.302.000
1	Cây đào bán kính từ 4m trở lên	cây	1	600.000	600.000
2	Cây đào bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	2	480.000	960.000
3	Cây bưởi bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	1	480.000	480.000
4	Cây xoài bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	1	540.000	540.000
5	Cây mận bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	360.000	360.000
6	Cây dâu tằm đã cho thu hoạch	m ²	10	7.200	72.000
7	Cây lấy gỗ D= 5-10cm	cây	1	30.000	30.000
8	Cây thuốc nam đã cho thu hoạch	m ²	35	54.000	1.890.000
9	Cây nhãn trồng hạt năm thứ hai	cây	1	66.000	66.000

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4*5</i>
10	Cây chanh bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	204.000	204.000
11	Sản lượng chè 40m ² * 25 tấn/ha/năm *2 năm	kg	200	5.500	1.100.000
<i>d</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				24.068.400
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm). Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu	m ²	144,2	102.000	14.708.400
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp, không phải di chuyển chỗ ở 2 khẩu * 30kg gạo/tháng * 12 tháng)	kg	720	13.000	9.360.000